

Bản án số: 78/2024/HS-PT
Ngày 28 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thái Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm; Ông Nguyễn Hữu Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo Cao Thị S do có kháng cáo của bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (viết tắt là bản án sơ thẩm).

- Bị cáo bị kháng cáo:

Cao Thị S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1954; tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp L, xã P, thị xã M, tỉnh H; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn Nh (chết) và bà Bùi Thị Ph; có chồng là Trần Văn H và 08 người con (lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1991); tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam: không; có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo S: Ông Lê Bình Dân. Là Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thy – HG, Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo:

Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: ấp L, xã P, thị xã M, tỉnh H; có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại Đ: Ông Trần Văn Độ. Là Luật sư Văn phòng luật sư Trần Độ, Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang; có mặt.

Ngoài ra vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2006, bị hại Nguyễn Thị Đ (viết tắt là bị hại) kết hôn cùng ông Trần Văn Cà P và có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Đình D chung sống tại căn nhà bán kiên cố tại ấp Long Bình 2, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Năm 2021 ông P chết, bị hại bỏ nhà đi làm thuê tại tỉnh Lâm Đồng, nhà giao lại cho con ruột là D trông coi. Thời gian này D cũng đi học nghề tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên nhà không người trông coi.

Sau khi ông P chết, bị cáo Cao Thị S (viết tắt là bị cáo) là mẹ ruột của ông P có ý định lấy lại phần đất mà ông P và vợ là bị hại Đ đã cất nhà, nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 3/2023, bị cáo yêu cầu bị hại trả lại đất để bán cho người khác, nhưng bị hại không đủ điều kiện nên không di dời.

Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 17/4/2023, bị cáo một mình đi bộ đến nhà của bị hại mục đích thấp nhang cho con trai đã chết và lấy bàn thờ về nhà bị cáo để thờ. Khi đến thấy nhà đã đóng cửa, nên bị cáo đi vòng ra sau nhà thấy vách tol phía sau nhà bị bung ra nên dùng tay nắm kéo miếng tol treo qua lỗ vách vào bên trong căn nhà. Bị cáo định bung bàn thờ của ông P mang về nhà nhưng không làm mà đi ngược trở ra ngoài. Nhớ lại chuyện bán đất nhưng bị hại không dọn nhà thì người mua không thanh toán đủ tiền. Lúc này, bị cáo nảy sinh ý định đốt nhà của bị hại để bị hại giao đất. Bị cáo nhặt một miếng vải và cây trúc dài khoảng 4-5 mét, dùng tay quấn miếng vải vô đầu cây trúc, châm lửa đốt miếng vải đưa vào lỗ vách tol đã xé ra trước đó. Khi thấy miếng vải bị cháy rớt bên trong tủ quần áo còn lại một phần dính trên đầu cây trúc thì bị cáo lấy cây trúc ra dựng lên cây dừa gần đó rồi đi về nhà. Đến khoảng 18 giờ 50 phút cùng ngày 17/4/2023, người dân gần nhà bị hại phát hiện nhà bị cháy nên gọi điện thoại báo cho Công an xã Long Phú biết. Ngày 18/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Long Mỹ tiến hành mời bị cáo làm việc. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/HĐĐGTS ngày 27/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Long Mỹ xác định giá trị các tài sản theo yêu cầu định giá như sau: 01 (một) căn nhà được xây dựng vào năm 2020, nền nhà bằng xi măng, sườn nhà bằng gỗ, mái tôn bằng xi măng (fibro), vách dựng bằng tôn kẽm, tổng chiều dài căn nhà có kích thước (09x13)m, giá trị là 43.811.000đ (bốn mươi ba triệu, tám trăm mười một nghìn đồng). Đối với các tài sản còn lại không đủ thông tin và cơ sở định giá.

Ngày 11/4/2024, Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ trả hồ sơ để điều tra bổ sung yêu cầu định giá các tài sản gồm: 01 (một) cái tủ áo bằng gỗ lim được tặng năm 2006; 01 (một) cái giường gỗ mua năm 2007; 01 (một) cái tivi 21 inch hiệu Sharp mua năm 2010; 01 (một) cái máy xăng hiệu Honda 5.5HP mua năm 2016; 01 (một) giàn máy may mua năm 2017; 01 (một) cái bàn tròn bằng gỗ mua năm 2012.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/HĐĐGTS ngày 22/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Long Mỹ xác định tại thời điểm gây thiệt hại ngày 17/4/2023, giá như sau:

01 cái tủ bằng gỗ lim được tặng năm 2006, có giá trị 10.000.000 đồng (cháy hoàn toàn). Định giá 00 đồng.

01 (một) cái giường gỗ mua năm 2007, trị giá 5.000.000 đồng (cháy hoàn toàn). Định giá 00 đồng.

- 01 (một) cái tivi 21 inch hiệu Sharp mua năm 2010, trị giá 3.000.000 đồng (cháy hoàn toàn). Định giá 50.000 đồng.

- 01 (một) cái máy xăng hiệu Honda 5.5HP mua năm 2016, trị giá 5.000.000 đồng (bị cháy 30%). Định giá 1.050.000 đồng.

- 01 (một) giàn máy may mua năm 2017, trị giá 3.000.000 đồng (cháy hoàn toàn). Định giá 800.000 đồng.

- 01 (một) cái bàn tròn bằng gỗ mua năm 2012, trị giá 1.000.000 đồng (cháy hoàn toàn). Định giá 00 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 1.900.000 đồng. Như vậy, tổng cộng giá trị tài sản bị thiệt hại là 45.711.000 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường: Ghi nhận tự nguyện của bị cáo Cao Thị S có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Nguyễn Thị Đ số tiền 45.711.000đ (bốn mươi lăm triệu bảy trăm mười một nghìn đồng). Bị cáo S được khấu trừ số tiền đã nộp khắc phục hậu quả trước đây.

Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, s, o, x khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Cao Thị S phạm tội Huỷ hoại tài sản.

Xử phạt bị cáo Cao Thị S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Cao Thị S cho Ủy ban nhân dân xã Long Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Long Phú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn nghĩa vụ khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, bị hại Nguyễn Thị Đ kháng cáo yêu cầu xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù. Tại phiên tòa bị hại yêu cầu rút kháng cáo phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo với điều kiện bị cáo bồi thường thêm cho bị hại 10.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản. Bị cáo Cao Thị S đồng ý bồi thường thêm cho bị hại 10.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản so với trách nhiệm bồi thường theo bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày quan điểm như sau:

Kháng cáo của bị hại là đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị xét đơn theo thủ tục phúc thẩm.

Về giải quyết vụ án, bản án sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 178 tuyên bố bị cáo phạm tội Huỷ hoại tài sản, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại rút đơn kháng cáo về trách nhiệm hình sự. Bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại 10.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản so với trách nhiệm bồi thường theo bản án sơ thẩm cũng là tự nguyện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận rút kháng cáo của bị hại, đình chỉ xét xử phúc thẩm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, ghi nhận tự nguyện của bị cáo bồi thường thêm trách nhiệm dân sự cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng.

Phát biểu bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị hại: yêu cầu rút kháng cáo về hình phạt của bị hại tại phiên tòa là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Phát biểu bào chữa cho bị cáo S: Bị cáo tại phiên tòa tự nguyện bồi thường thêm phần thiệt hại về tài sản cho bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Phát biểu đối đáp: không.

Nói lời sau cùng: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về đơn kháng cáo: sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại kháng cáo đúng theo quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên chấp nhận xét đơn theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Đ rút kháng cáo về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét việc rút kháng cáo của bị hại là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử trách nhiệm hình sự trong vụ án đối với bị cáo theo thủ tục phúc thẩm. Đối với yêu cầu bồi thường thêm số tiền 10.000.000 đồng so với bản án sơ thẩm của bị hại. Xét, sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại không kháng cáo phần trách nhiệm bồi thường số tiền 45.771.000 đồng của bản án sơ thẩm tuyên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Tổng thiệt hại về tài sản trong vụ án bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 55.771.000 đồng. Xét đồng ý của bị cáo là tự nguyện và phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền đã thỏa thuận.

[3]. Với những nhận định như nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Chấp nhận yêu cầu rút kháng cáo của bị cáo về phần trách nhiệm hình sự. Ghi nhận tự nguyện của bị cáo về phần bồi thường trách nhiệm dân sự.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận rút kháng cáo phúc thẩm của bị hại Nguyễn Thị Đ về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Cao Thị S. Ghi nhận tự nguyện của bị cáo Cao Thị S đồng ý bồi thường thêm tiền thiệt hại về tài sản so với bản án sơ thẩm cho bị hại Nguyễn Thị Đ. Sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự như sau:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần trách nhiệm hình sự vụ án thụ lý số 61/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Cao Thị S phạm tội Hủy hoại tài sản.

2. Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận tự nguyện của bị cáo Cao Thị S bồi thường thiệt hại về tài sản trị giá bằng số tiền 55.711.000đ (năm mươi lăm triệu bảy trăm mười một nghìn đồng) cho bị hại Nguyễn Thị Đ.

Bị cáo S được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nộp khắc phục hậu quả tại Cơ quan điều tra Công an thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang và 10.000.000 đồng đã nộp khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số 0002658 ngày 05/4/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Bị hại Nguyễn Thị Đ không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2024).